

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT



Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Trần Minh Điển

- Dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027;
- Quy mô dự toán mua sắm: 864.385.436.572 đồng (Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi tư tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng);
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp của Bệnh viện Nhi Trung ương;
- Tên Gói thầu: Gói 8 - Cung cấp Catheter các loại và một số vật tư sử dụng trong Can thiệp tim mạch và Can thiệp điện quang;
- Giá gói thầu: 73.647.943.290 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi đồng);
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng (xét theo từng phần);
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Nhi Trung ương - Số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.



1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

a. Yêu cầu về tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu (Nhà thầu kê khai, cung cấp tài liệu và cam kết để chứng minh)

- Hàng mới 100%.
- Các tài liệu của hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ:
 - + Ký mã hiệu (mã hàng hóa);
 - + Hãng sản xuất;
 - + Hãng chủ sở hữu;
 - + Xuất xứ;
 - + Thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Tiêu chuẩn chất lượng của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu:

† Đối với hàng hóa không phải thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 9001 hoặc tương đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.

thư
thư

+ Đối với hàng hóa là thiết bị y tế: Giấy chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương của hãng sản xuất/ cơ sở sản xuất tại nước sản xuất hàng hóa dự thầu.

- Đối với hàng hóa dự thầu là thiết bị y tế: Cung cấp đầy đủ bộ hồ sơ chất lượng về hàng hóa bao gồm: Số lưu hành của thiết bị y tế hoặc tương đương theo quy định còn hiệu lực.

- Catalô, bản dữ liệu sản phẩm chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dự thầu so với yêu cầu mời thầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

b. Yêu cầu về tiến độ giao hàng (Nhà thầu thực hiện cam kết)

Hàng hóa được giao theo từng đợt đặt hàng (theo tháng hoặc đợt xuất) từ email hoặc điện thoại của Bệnh viện Nhi Trung ương tới nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp các mặt hàng đã trúng thầu theo số lượng yêu cầu của Bệnh viện chậm nhất trong vòng 05-10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng (một số mặt hàng đặc biệt thời gian giao hàng có thể theo thỏa thuận của 2 bên). Đối với các trường hợp bất khả kháng nhà thầu phải giải trình bằng văn bản và phải được sự chấp thuận của Bệnh viện.

c. Lịch sử cung cấp hàng hóa (Nhà thầu thực hiện cam kết)

Nhà thầu cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSĐT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.

d. Yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng

Nhà thầu cam kết hàng hóa khi giao phải đảm bảo tuân thủ quy định về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ thời điểm giao hàng cụ thể như sau:

Đối với Vật tư tiêu hao:

- Hạn sử dụng của hàng hóa ≤ 12 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 06 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ > 12 tháng - 24 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 8 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ > 24 tháng - 36 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 18 tháng;

- Hạn sử dụng của hàng hóa từ > 36 tháng - 60 tháng: Hạn sử dụng còn lại tối thiểu ≥ 24 tháng.

đ. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

- Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng yêu cầu về đơn vị tính, khối lượng được nêu tại Cột 5, 6 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Đối với hàng hóa mời thầu có đơn vị tính bằng hộp/lọ/chai/can/bộ kit/ống/tuýp thì hàng hóa chào thầu phải đảm bảo đáp ứng tối thiểu yêu cầu về quy cách quy định tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm. Trường hợp quy cách của hàng hóa chào thầu khác với quy định tại Cột 4 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu thì quy cách đó phải đảm bảo tương đương hoặc có lợi thế hơn và phù hợp với việc sử dụng của chủ đầu tư.

e. Yêu cầu về hàng mẫu

- Trường hợp nhà thầu dự thầu các danh mục hàng hóa (các phần (lô)) có yêu cầu về hàng mẫu thì trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hàng mẫu với số lượng theo yêu cầu tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm.

- Việc cung cấp hàng mẫu phục vụ cho quá trình đánh giá kỹ thuật của hàng hóa dự thầu theo yêu cầu về nội dung đánh giá quy định tại Cột 8 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có quyền kiểm định hàng mẫu tại đơn vị/tổ chức kiểm định độc lập để làm căn cứ đánh giá E-HSMT.

- Địa điểm nhận hàng mẫu: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, tầng hầm nhà A (tòa nhà 15 tầng), số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

- Yêu cầu về quy cách đóng gói, thông tin hàng mẫu khi bàn giao: Hàng mẫu được đóng gói riêng theo từng danh mục hàng hóa và ghi rõ các thông tin sau:

- + Tên nhà thầu;
- + Số thứ tự thầu (ghi theo số thứ tự trong E-HSMT);
- + Tên hàng hóa (ghi theo tên hàng hóa tự trong E-HSMT);
- + Mã sản phẩm;
- + Hãng sản xuất;
- + Nước sản xuất.

- Khi đến bàn giao hàng mẫu, nhà thầu mang theo Biên bản bàn giao đã điền đầy đủ thông tin theo mẫu đính kèm sau đây để hai bên tiến hành ký kết biên bản bàn giao theo quy định.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Hàng hóa phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Cột 3 Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đính kèm và có hàng mẫu được đánh giá là đạt theo quy định tại Cột 8 - Phụ lục - Danh mục hàng hóa mời thầu đối với các danh mục có yêu cầu hàng mẫu.

(Nhà thầu cung cấp catalô, tài liệu kỹ thuật khác có liên quan để chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Đối với các tiêu chí kỹ thuật chưa được thể hiện trong

Catalô, bản dữ liệu sản phẩm, nhà thầu được phép cung cấp tài liệu hoặc bản cam kết của hãng sản xuất phát hành để chứng minh (Trường hợp này, chủ đầu tư sẽ kiểm tra, đối chiếu các tài liệu kỹ thuật khác hoặc bản cam kết của hãng sản xuất đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại thời điểm đối chiếu E-HSMT trong trường hợp nhà thầu được mời đối chiếu tài liệu). Chủ đầu tư sẽ kiểm tra, đánh giá các tiêu chí kỹ thuật thực hiện bằng cam kết khi nhận hàng hóa. Trường hợp hàng hóa khi nhận không đạt theo yêu cầu tại E-HSMT, nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện hàng hóa đó và chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định).

- Ngoài các biểu mẫu được nêu tại Chương IV Biểu mẫu mời thầu và dự thầu, Nhà thầu phải kê khai thông tin về hàng hóa dự thầu theo **Mẫu số 21** dưới đây và scan đính kèm E-HSMT.

Đồng thời nhà thầu đính kèm file Excel khi nộp E-HSMT. Việc đính kèm file Excel Mẫu số 21 chỉ phục vụ việc nhập dữ liệu được nhanh chóng trong quá trình đánh giá E-HSMT của Chủ đầu tư, không có giá trị đánh giá nhà thầu đạt/không đạt về tiêu chuẩn kỹ thuật trong trường hợp nhà thầu không đính kèm file Excel.

1.3. Các yêu cầu khác:

- Giá mua bán: Trọn gói, đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, số 18/879 La Thành, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Các bên sẽ tiến hành kiểm tra và thử nghiệm nếu trong quá trình sử dụng bên mua nhận thấy hàng hóa không đảm bảo chất lượng như quy định tại E-HSMT.

Trường hợp phải kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa thì sẽ được tiến hành kiểm tra tại các đơn vị có chức năng hoặc tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu trách nhiệm. Thời gian nhà thầu giải quyết các kiến nghị về chất lượng hàng hóa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bên mua (không bao gồm thời gian kiểm tra, thử nghiệm).

Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí, đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Ghi chú:

Đối với các yêu cầu kỹ thuật thực hiện cam kết, nhà thầu có thể tham khảo mẫu cam kết dưới đây khi lập và nộp E-HSDT

Mẫu cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

BẢN CAM KẾT

Nhà thầu [*ghi tên Nhà thầu*] tham dự gói thầu [*ghi tên gói thầu*] của Bệnh viện Nhi Trung ương, đại diện hợp pháp của nhà thầu xin cam kết thực hiện các điều khoản sau:

1. Tất cả các hàng hóa tham dự thầu đều có đủ thông tin về xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, hãng, nước sản xuất, giấy phép đăng ký lưu hành tại Việt Nam còn hiệu lực đối với thiết bị y tế. Hàng mới 100%.
2. Giá dự thầu là giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) được vận chuyển và giao tại Kho vật tư y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương.
3. Cung ứng hàng hóa kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng tiến độ giao hàng quy định tại điểm b tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT.
4. Cung ứng hàng hóa đảm bảo đáp ứng yêu cầu về hạn sử dụng còn lại của hàng hóa tính từ ngày giao hàng quy định tại điểm d tiểu mục 1.2.1 mục 1.2 Chương V của E-HSMT
5. Cung ứng hàng hóa đúng với các thông số kỹ thuật đã kê khai ở Mẫu số 21 Danh mục hàng hóa dự thầu.
6. Thu hồi vô điều kiện những hàng hóa bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.
7. Bồi thường thiệt hại do hàng hóa không đảm bảo chất lượng (nếu có) gây ra cho Chủ đầu tư và/hoặc người bệnh.
8. Cam kết trong vòng 03 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng. Trường hợp, nhà thầu có cam kết nhưng Bệnh viện có tài liệu chứng minh được nhà thầu có hợp đồng chậm tiến độ hoặc không giao được hàng hàng hoặc giao hàng không đáp ứng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng thì E-HSDT của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với danh mục dự thầu có lịch sử cung cấp hàng hóa không đáp ứng đó.
9. Nhà thầu cam kết đáp ứng các yêu cầu quy định tại mục 1.3 Chương V của E-HSMT.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

MẪU BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG MẪU

Gói thầu:

Thuộc dự toán: Cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao y tế năm 2025 - 2027

Hôm nay, tháng năm 2025, tại phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Nhi Trung ương, Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO: CÔNG TY

Đại diện: Chức vụ:

BÊN NHẬN: BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG

Đại diện: Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế

Hai bên cùng tiến hành bàn giao hàng mẫu để tiến hành đánh giá theo quy định của E-HSMT, cụ thể như sau:

STT	TT thầu	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thương mại	Kỹ mã hiệu hàng hóa	Số lot, hạn sử dụng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1.									
2.	...									
3.										

Hai Bên xác nhận đã giao, nhận đủ, đúng chủng loại và số lượng hàng mẫu như trên. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 21 (Scan và đính kèm)

DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

STT hàng hóa dự thầu	STT theo HSMT	Mã phần lô	Tên hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại	Mã hàng hóa	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Mã HS	Số đăng ký lưu hành	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tiêu chuẩn chất lượng	Hạn sử dụng của hàng hóa	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1.																		
2.																		

Tổng số danh mục dự thầu: danh mục

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1): Ghi STT lần lượt theo tổng số danh mục tham dự thầu của nhà thầu;
- (2): Ghi theo STT trong danh mục hàng hóa mời thầu;
- (3): Ghi mã phần lô tương ứng với danh mục chào thầu;
- (4): Ghi tên hàng hóa theo E-HSMT;
- (5): Ghi tên hàng hóa theo tên thương mại của hãng sản xuất;
- (6): Ghi mã hàng hóa của hãng sản xuất;
- (7): Ghi mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021. (Áp dụng đối với vật tư y tế đã được cấp mã trước ngày Quyết định 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024). Đối với các vật tư y tế mới chưa được cấp mã theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT thì dùng mã theo Thông tư 04/2017/TT-BYT). Trường hợp hàng hóa không thuộc danh mục theo Quyết định 5086/QĐ-BYT thì không phải kê khai;
- (8): Ghi mã HS của hàng hóa (nếu có), trường hợp nhà thầu chưa xác định được mã HS thì để trống;
- (9): Ghi số đăng ký lưu hành của hàng hóa;
- (10): Ghi thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu;
- (11): Ghi tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ví dụ: ISO 13485/ ISO 9001,...);

- (12): Ghi hạn sử dụng của hàng hóa dự thầu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (ví dụ: 12 tháng, 24 tháng, 36 tháng,...);
(13), (14), (15), (16), (17). (18): Ghi đầy đủ thông tin của hàng hóa dự thầu;
(19): Ghi các lưu ý (nếu cần thiết).

PHỤ LỤC – DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI THẦU

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Catheter theo dõi huyết áp động mạch liên tục cỡ 22G	Bao gồm 01 catheter chất liệu polyurethane cỡ 2Fr, chiều dài 8cm; 01 kim đâm da cỡ 22G; 01 guidewire 26cm, đường kính 0,46mm. Tốc độ truyền dịch 12 ml/phút.	Cái	Cái	700	210	Có yêu cầu Số lượng 02 cái Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
2.	Catheter theo dõi huyết áp động mạch liên tục cỡ 20G	Bao gồm 01 catheter chất liệu Polyethylene cỡ 3Fr, chiều dài 8 cm; 01 kim đâm da cỡ 20G ; 01 guidewire dài 20cm, đường kính 0,53mm. Tốc độ truyền dịch 24 ml/phút.	Cái	Cái	700	210	Có yêu cầu số lượng 02 cái Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
3.	Catheter dẫn lưu màng phổi cỡ 8F	Bao gồm: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt, thép không gỉ dài 8cm, cỡ 8Fr. Có 1 lỗ ở đầu	1Cái/ Hộp	Cái	35	10	Không yêu cầu
4.	Catheter dẫn lưu màng phổi cỡ 10F	Bao gồm: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt, thép không gỉ dài 8-10cm, cỡ 10Fr. Có 1 lỗ ở đầu	1Cái/ Hộp	Cái	300	90	Có yêu cầu Số lượng 01 cái Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
5.	Catheter dẫn lưu màng phổi cỡ 14F	Bao gồm: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt; Trocar bằng thép không gỉ dài 28cm, cỡ 14Fr, Có 1 lỗ ở đầu	1Cái/ Hộp	Cái	60	18	Không yêu cầu
6.	Catheter tĩnh mạch trung	Bao gồm kim dẫn đường; Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J.	1Cái/ Hộp	Cái	1.800	540	Có yêu cầu Số lượng 03 cái

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	tâm 2 nòng cỡ 4Fr	Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22,G22 Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.					Nội dung đánh giá: Đánh giá cánh cố định Catheter cần ôm chặt nòng, không dễ tuột. Que nong phải phù hợp so với nòng Catheter. Đồng thời đánh giá độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
7.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng cỡ 5Fr	Bao gồm Kim dẫn đường; Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, đầu chữ J tránh vụn xoắn, . Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 5F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G18, G20 Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	1Cái/ Hộp	Cái	900	270	Có yêu cầu Số lượng 03 cái Nội dung đánh giá: Đánh giá cánh cố định Catheter cần ôm chặt nòng, không dễ tuột. Que nong phải phù hợp so với nòng Catheter. Đồng thời đánh giá độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
8.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 5Fr	Bao gồm Kim dẫn đường thẳng sắc, Dây kim loại dẫn đường mềm, đầu chữ J tránh vụn xoắn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22, G22 Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn; Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	1Cái/ Hộp	Cái	6.900	2.070	Có yêu cầu Số lượng 03 cái Nội dung đánh giá: Đánh giá cánh cố định Catheter cần ôm chặt nòng, không dễ tuột. Que nong phải phù hợp so với nòng Catheter. Đồng thời đánh giá độ trơn, độ mềm, độ đâm

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							xuyên của Catheter
9.	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 7Fr	Kim dẫn đường chữ V sắc, có van ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí; Dây kim loại dẫn đường mềm đầu chữ J, tránh vận xoắn; Có dao mổ và kim nong bằng nhựa; Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, đường kính nòng G16, G18, G18; Đầu nối catheter có valve 2 chiều; Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	1Cái/ Hộp	Cái	680	204	Có yêu cầu Số lượng 02 cái Nội dung đánh giá: Đánh giá cánh cố định Catheter cần ôm chặt nòng, không dễ tuột. Que nong phải phù hợp so với nòng Catheter. Đồng thời đánh giá độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
10.	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 3,5Fr	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn chất liệu PVC cỡ 3,5 Fr, dài 37cm. Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút. Sử dụng Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu; Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc.	1Cái/ Hộp	Cái	1.800	540	Không yêu cầu
11.	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 4Fr	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn chất liệu PVC cỡ 4 Fr, dài 37cm. Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút. Sử dụng Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu; Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc.	1Cái/ Hộp	Cái	1.400	420	Không yêu cầu
12.	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn cỡ 5Fr	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn chất liệu PVC cỡ 5 Fr, dài 37cm; Tốc độ dòng truyền dịch >31ml/ phút. Sử dụng tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu; Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và	1Cái/ Hộp	Cái	400	120	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc.					
13.	Catheter tĩnh mạch rốn 2 nòng cỡ 4Fr	Catheter mạch rốn 2 nòng chất liệu PUR dài 20cm , cỡ 4Fr. Thể tích mỗi dịch 2 x 0,26ml Tốc độ truyền từ 11 đến 12ml/ phút . Sử dụng truyền các loại thuốc không tương hợp, truyền thuốc và truyền dinh dưỡng cùng lúc.	1Cái/ Hộp	Cái	920	276	Không yêu cầu
14.	Catheter tĩnh mạch rốn 2 nòng cỡ 5Fr	Catheter mạch rốn 2 nòng chất liệu PUR dài 40cm, cỡ 5Fr. Thể tích mỗi dịch 2 x 0,30 ml Tốc độ truyền từ 7đến 9ml/ phút. Sử dụng truyền các loại thuốc không tương hợp, truyền thuốc và truyền dinh dưỡng cùng lúc.	1Cái/ Hộp	Cái	190	57	Không yêu cầu
15.	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cỡ 24G	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng. Bao gồm 01 catheter chất liệu PUR cỡ 2Fr/24G, chiều dài 30cm; 01 kim dẫn đường cỡ 20G	1Cái/ Hộp	Cái	800	240	Không yêu cầu
16.	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cỡ 28G	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng bao gồm 01 catheter chất liệu PUR cỡ 1Fr/28G, chiều dài 20 cm ; Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút; kim dẫn đường cỡ 24G	1Cái/ Hộp	Cái	2.300	690	Không yêu cầu
17.	Catheter đo ICP	Catheter dùng công nghệ vi cảm biến áp lực cỡ 4Fr. Dùng cho máy đo áp lực nội sọ. Bộ Catheter theo dõi áp lực nội sọ đặt tại nhu mô hoặc khoang dưới nhện, có đánh dấu độ sâu của catheter từ 1-10cm, có vỏ bọc giải áp, công nghệ cảm biến cáp quang, đầu cảm biến 4Fr/1,35mm, mũi khoan tự dùng 8Fr/2,7mm, có lực giác để chỉnh vị trí tự dùng, có dụng cụ điều chỉnh áp lực về 0. - Có chứng nhận FDA/CE.	1Cái/ Hộp	Cái	50	15	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
18.	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên loại 1 nòng các cỡ	Catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ TM ngoại vi (PICCline) dùng cho trẻ em và trẻ lớn, bao gồm: 01 catheter 1 nòng cỡ 4F/5F dài 550mm (có thể cắt); bơm tiêm cỡ 10ml, Thiết bị cố định không chỉ khâu StatLock, thước đo, nắp đậy; 01 kim đâm cỡ 21G dài 70mm, 01 dây dẫn 70cm, kim nong dài 100mm.	1 Bộ/Hộp	1 Bộ/Hộp	70	21	Không yêu cầu
19.	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm đặt từ ngoại biên loại 2 nòng các cỡ	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm từ ngoại vi 2 nòng bao gồm: - Catheter kích cỡ 5F/ 6F, 2 nòng catheter cỡ 18G/ nòng, chất liệu polyurethane với độ bền cao, thể tích đuôi khí mỗi nòng 0,57/ 0,62 ml, - Dây dẫn bằng thép không rỉ với chiều dài 70cm và 135cm - Thông nòng microintroducer 10 cm - Lưỡi dao - Kim introducer 21G - Nắp đậy cho mỗi nòng catheter - Bơm tiêm đầu xoắn luer-lock không latex - Thiết bị cố định catheter StatLock - Thước đo giấy	1 Bộ/Hộp	1 Bộ/Hộp	50	15	Không yêu cầu
20.	Miếng dán cố định catheter	Miếng dán có kích thước 3cmx9cm để cố định chắc chắn catheter vào miếng dán và dán dính trên da người bệnh. Thời gian lưu trong 7 ngày.	10 Cái/hộp	Cái	115	34	Có yêu cầu Số lượng: 03 cái Nội dung đánh giá: Đánh giá độ bám dính, mức độ cố định Catheter cân chắc chắn
21.	Catheter tĩnh mạch trung tâm dài hạn 2 nhánh cỡ 7F	Catheter tĩnh mạch trung tâm dài hạn đặt cố định dưới da cỡ 7F, làm bằng silicone, chiều dài 65cm, có đi kèm Peel- Apart Introduce. Kích thước OD(mm)/ID(mm):2,3mm/1,0mm(nòng đỏ), 0.8mm(nòng trắng). Catheter có thể lưu 3 tháng trở lên.	5 Cái/ Hộp	Cái	58	17	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22.	Catheter chẩn đoán cấu tạo 3 lớp các cỡ	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4F ; 5 F dạng: - JR, JL chiều dài 100cm - Multipurpose chiều dài 80cm - Pigtail. Chiều dài 80cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0,038". Giới hạn áp lực 750psi. 	1Cái/ Hộp	Cái	6.900	2.070	Có yêu cầu Số lượng 05 cái Nội dung đánh giá: Kiểm tra độ trơn, độ mềm, độ đâm xuyên của Catheter
23.	Catheter chẩn đoán cấu tạo 3 lớp dạng tip	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon Elastomer. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) có khả năng đẩy, chống gập. - Kích thước: Đường kính 5Fr (nòng rộng 1.7mm), Catheter chụp chẩn đoán can thiệp dạng tip dạng Chiều dài 80cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng 0,043". Tương thích guidewire 0,038". Giới hạn áp lực 1000psi. - Có chứng nhận FDA/CE. 	1Cái/ Hộp	Cái	345	103	Không yêu cầu
24.	Catheter can thiệp mạch máu thần kinh các cỡ	<p>Catheter can thiệp mạch máu thần kinh cỡ 6 F, 7F, 8 F. Đầu tip mềm dẻo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong/ ngoài của ống thông: 1,80mm (0,071")/ 6F; 2,05mm (0,081")/ 7F; 2,28mm (0,090")/ 8F. - Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm. - Lớp phủ hydrophilic 5, 15cm từ đầu tip. - Hình dạng đầu tip: angled, straight. <p>Bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ ống thông 4F, 5F, 6F tương ứng với ống thông có kích thước 6F, 7F, 8F). 	5 Cái/ Hộp	Cái	90	27	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Đường kính trong/ngoài của bộ ống thông: 1,8/ 2,09 mm (4F); 2,05/ 2,4 mm (5F); 2,28/ 2,7 mm (6F). - Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm. - Hình dạng đầu tip: angled, straight.					
25.	Ống thông can thiệp đầu mềm lấy huyết khối (Can thiệp mạch não) các cỡ	Đọc thân ống có 8 dây hỗ trợ chống gãy gập, đi xa vào mạch máu nội sọ. Có đường kính đầu gần 4,2F và đầu xa 3,9F; đoạn đầu mềm 2,5cm và 15cm. Chiều dài Guiding Catheter là 120cm và 135cm. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/Hộp	Cái	25	7	Không yêu cầu
26.	Ống thông can thiệp mạch não các cỡ	Chất liệu Polyamide có thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gập. - Kích thước đường kính ngoài đầu gần/đầu xa: 6F/4,9F và 6.F/6F. - Đường kính trong 0,058" và 0,070". Chiều dài 95cm, 105 cm, 115 cm, 135 cm.	1Cái/ Hộp	Cái	150	45	Không yêu cầu
27.	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu các cỡ	- Vật liệu: thép không gỉ phủ hydrophilic - Đầu tip: loại thẳng, loại MP - Đường kính trong: 0,070"; 0,088" - Đường kính ngoài đầu gần/ đầu xa: 6F/6F đối với loại 0,070" ; 8F/8F đối với loại 0,088" - Chiều dài: 80cm, 90cm, 95cm, 105cm - Vùng linh hoạt: 4cm; 6-8cm - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	70	21	Không yêu cầu
28.	Ống thông dẫn đường can thiệp tim mạch các cỡ	Kích cỡ 5F, 6F, 7F. Đường kính trong các cỡ 0,059"; 0,071" và 0,081". Chiều dài: 100cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 5F/5F đối với loại 0,059", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0,071", đường kính đầu gần/đầu xa 7F/7F đối với loại 0,081" . - Có chứng nhận FDA/CE.	1Cái/Hộp	Cái	55	16	Không yêu cầu
29.	Ống thông dẫn đường can	Hệ thống tiếp cận nội sọ - Đường kính ngoài: 6F	1 Cái/ Hộp	Cái	23	6	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thIỆP thân kinh cỡ 6F	- Đường kính trong: 0,071" - Chiều dài: 95cm, 105cm, 115cm - Đầu tip: loại thẳng, loại đa dụng MP - Có chứng nhận FDA/CE.					
30.	Ống thông dẫn đường can thIỆP thân kinh và ngoại biên các cỡ	Ống thông hỗ trợ can thiệp thân kinh và ngoại biên có thiết kế bên xoắn ở đầu xa chống gãy gập, giúp đi xa vào mạch máu nội sọ có đường kính ngoài đầu gần 0,106", đầu xa 0,100"; đường kính trong 0,088" đầu mềm, phủ hydrophilic 20cm, giúp đi qua những cấu trúc giải phẫu xa gấp khúc. Chiều dài ống thông 80cm, 90cm và 100 cm- Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/Hộp	Cái	16	4	Không yêu cầu
31.	Ống thông hút huyết khối đoạn xa	- Cấu tạo: dạng vòng xoắn - Chất liệu: Nitinol - Đường kính ngoài đầu gần: 5F (1,52mm) - Đường kính ngoài đầu xa: 5F (1,52mm) - Đường kính trong: 0,043" - Chiều dài ≤ 160cm - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/Hộp	Cái	23	6	Không yêu cầu
32.	Ống hút huyết khối mạch não các cỡ	- Chất liệu: Nitinol. - Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F. - Đường kính trong các cỡ từ 0,062" đến 0,072" - Chiều dài ≥ 132cm. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/Hộp	Cái	14	4	Không yêu cầu
33.	Ống thông chuyên dụng dùng trong can thIỆP mạch và mạch ngoại biên	Bao gồm: - Ống thông: Kích cỡ 10F. Đường kính trong >3,3mm. Chiều dài làm việc: >41cm. Ống thông thiết kế dạng lò xo, gia cố cuộn coil để tăng tính linh hoạt và chống xoắn vặn Trên đầu ống thông và que nong có vật liệu cản quang giúp dễ dàng quan sát - Dilator	1 Cái/ Hộp	Cái	10	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- Van cầm máu 13F) - Có chứng nhận FDA/CE					
34.	Ống chữ T thanh quản silicone các cỡ	Bao gồm: 01 ống chữ T an toàn, 02 bộ Vòng giữ và đóng đầu ống chất liệu Silicone - Chiều dài toàn bộ ống: 94mm, 95mm, 96mm, 97mm - Chiều dài nhánh trên: 45mm, 46mm - Chiều dài nhánh dưới: 42mm - Đường kính ống: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm - Đường kính phân ống mở bên ngoài: 6mm, 8mm - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	24	7	Không yêu cầu
35.	Vi ống thông hai nòng có bóng các cỡ	Ống thông 2 nòng cho phép sử dụng song song hai đường : 1 đường dùng bơm bóng và một đường dùng như một ống thông siêu nhỏ 0,017 inches. Đường kính bóng 06mm, Chiều dài bóng từ 07mm- 20mm. Đường kính trong 0,017" .Tương thích với DMSO . - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	14	4	Không yêu cầu
36.	Vi ống thông can thiệp phủ PTFE	Cấu trúc 3 lớp: Lớp trong: phủ lớp PTFE. Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cản quang. Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat. Đầu vi ống thông có điểm đánh dấu cản quang platinum/iridium 0,7mm. Kích thước: Đường kính : 2,0Fr. Chiều dài: 110cm, 130 cm. Đường kính trong: 0,019" . Áp lực tối đa: 750 psi / 5 171 kPa.- Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	25	7	Không yêu cầu
37.	Vi ống thông can thiệp phủ ái nước các cỡ	Vi ống thông can thiệp phủ ái nước Hydro Pass cỡ 2,0F ; 2,4Fr, 2,7 Fr . Đường kính gần cán 3F, xa cán 2,4F; đường kính trong 0,021" PTFE, áp lực đỉnh 1000 psi, chiều dài 105, 130, 150cm. Chất liệu: bện kim loại và xơ tăng độ nhìn, chống gập, tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. Dây dẫn ái nước Transend, lõi Scitanium, đầu tungsteng. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	350	105	Không yêu cầu
38.	Vi ống thông	Vi ống thông siêu nhỏ tự trôi theo dòng chảy của mạch máu.	1 Cái/ Hộp	Cái	25	7	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	can thiệp mạch não, mạch tủy các cỡ	Sử dụng trong can thiệp mạch máu có đường kính khoảng 1mm. Đường kính ngoài từ 1,2F - 1,8F, tương thích với dây dẫn 0,008"- 0,010" dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não. Chất liệu vi ống thông là hợp kim polyurethan (PUR).	Hộp				
39.	Vi ống thông chống gập xoắn các cỡ	Vi ống thông siêu nhỏ được bện suốt theo chiều dài ống thông. Phủ lớp ái nước Hydrophillic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống làm tăng khả năng điều hướng. Đường kính ngoài đoạn gần từ 2,2F- 4,0F, đoạn xa từ 1,9F-3,8F, có từ 1-2 markers tăng tính cân quang. Chiều dài vi ống thông 135cm, 155cm. Định dạng với đầu thẳng (D) và đầu cong (MP). - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	138	41	Không yêu cầu
40.	Vi ống thông kèm vi dây dẫn can thiệp điều trị dị dạng mạch máu các cỡ	Vi ống thông kèm vi dây dẫn đầu có thể tách rời. Đường kính ngoài đầu xa là 1,2F, có đoạn tách rời dài 1,5cm, 2,5cm và 3,5cm - Đường kính ngoài đầu xa 1.5F, có đoạn tách rời dài 1,5cm, 2,5cm ,3,5cm và 4,5cm - Tổng chiều dài vi ống thông 167cm - Vi dây dẫn 0,007" hoặc 0,008". - Tương thích với DMSO	1 Cái/ Hộp	Cái	345	103	Không yêu cầu
41.	Vi ống thông lái hướng	Vi ống thông siêu nhỏ sử dụng trong thủ thuật can thiệp mạch máu thần kinh. Đường kính ngoài đoạn gần và đoạn xa là 2,5F- 2,2F. Đường kính trong là 0,017", có 4 vùng chuyển tiếp. Cấu tạo bằng 8 dây nitinol, 1 dây thép không gỉ, 2 marker vàng ở đầu gần làm tăng khả năng cân quang. Tổng chiều dài của vi ống thông là 160cm, có khả năng tạo hình đầu vi ống thông từ phiên bản đầu thẳng. Tương thích với DMSO.	1 Cái/ Hộp	Cái	30	9	Không yêu cầu
42.	Vi ống thông can thiệp đường kính	- Chất liệu Nitinol, phủ polymer. - Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong 0,025". - Đường kính ngoài đầu xa 2,6F. - Đường kính ngoài đầu gần 2,95F.	1 Cái/ Hộp	Cái	14	4	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	trong 0.025"	- Chiều dài: 150cm, 160cm. - Đầu tip thẳng; dạng cong: 45 độ, 90 độ, 130 độ. - Có chứng nhận FDA/CE					
43.	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong 0,021"	Cấu tạo gồm những sợi thép không gỉ quấn vòng quanh thân, lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong cùng, lớp nhựa Pebax. Tương thích DMSO. Đường kính trong 0,021". Đường kính ngoài đầu gần- đầu xa là 2,7Fr-2,4Fr, chiều dài 153cm. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	7	2	Không yêu cầu
44.	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong 0.035"	Đường kính trong: 0,035"; Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F; Chiều dài làm việc: 160cm. - Có chứng nhận FDA/CE	1 Cái/ Hộp	Cái	5	1	Không yêu cầu
45.	Vi ống thông mạch máu có phủ Nitinol và đầu tự đứt rời các cỡ	ống thông có đầu gần được cuộn bằng một sợi thép không gỉ tránh gập, đầu xa có lớp nitinol. Đầu tự đứt dài 1,5cm, 3cm, 5cm. Phù hợp với dây dẫn 0,008" và 0,010". Đường kính trong 0,013", đường kính ngoài đầu gần-đầu xa 2,7Fr - 1,5Fr. Tổng chiều dài 165cm. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	100	30	Không yêu cầu
46.	Vi ống thông mạch máu gập góc các cỡ	Chất liệu nitinol, đường kính ngoài gần-xa là 2,1Fr-1,7Fr và 2,4Fr-1,9Fr, đường kính trong 0,017" và chiều dài là 150 cm, tương thích với DMSO, bề mặt tráng trơn nhẵn, thân cứng có vòng lò xo bằng thép không gỉ, đầu ngoài vi mềm và uốn cong sẵn hai góc 45° và 90°. Có 2 maker ở đầu	1 Cái/ Hộp	Cái	240	72	Không yêu cầu
47.	Vi dây dẫn can thiếp mạch não vòng xoắn kép các cỡ	- Có vòng xoắn kép giúp duy trì hình dạng đầu tip. - Đường kính 0,08 inch; 0,010 inch; 0,014 inch. - Chiều dài có kích thước: 200cm, 300cm. - 0.008 inch: Lớp phủ hydrophilic dài 180cm, đầu chắn bức xạ dài 3cm, chiều dài vòng xoắn: 9cm. Chiều dài vi dây dẫn: 200cm. Đầu tip thẳng.	1 Cái/ Hộp	Cái	90	27	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		- 0,010 inch: Lớp phủ hydrophilic dài 170cm, đầu chắn bức xạ dài 9cm, chiều dài vòng xoắn: 9,5cm. Chiều dài vi dây dẫn: 200cm và 300cm. Đầu tip thẳng. Lớp phủ hydrophilic trên nền Polymer dài 180cm, đầu chắn bức xạ dài 16cm, chiều dài vòng xoắn: 16cm. Chiều dài vi dây dẫn: 200cm. Đầu tip uốn sẵn. -0,014 inch: Lớp phủ hydrophilic dài 170cm, lớp phủ Polymer dài 150cm. Đầu chắn bức xạ dài 3cm, chiều dài vòng xoắn: 30cm. Chiều dài vi dây dẫn: 200cm, 300cm. Đầu tip được uốn sẵn 25° - 90°. Lớp phủ hydrophilic dài 170cm. Đầu chắn bức xạ dài 5cm, chiều dài vòng xoắn: 30cm. Chiều dài vi dây dẫn: 200cm, 300cm. Đầu tip thẳng và được uốn sẵn.					
48	Dây dẫn đường cho bóng và stent đầu mềm	Dây dẫn đường đầu mềm, phủ lớp ái nước M Coat, có nhiều đoạn khác nhau: phủ Silicone, phủ PTFE, các đoạn nối với nhau đồng trục Kích thước: đường kính 0,014 inch và dài 180cm Vật liệu: cấu tạo nhiều phân lõi làm bằng Nickel-Titanium, lớp cuộn bên ngoài là Platinum ở đoạn xa, Stainless Steel ở đoạn gần. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	460	138	Không yêu cầu
49.	Vi Dây dẫn mạch vành 0,014 có đầu ái nước	Chất liệu lõi: Đoạn gần làm bằng thép không gỉ 304 V (150 cm) và đoạn xa làm bằng NiTi (40 cm). Phủ trơn cho đoạn xa là ái nước Polyvinyl Pyrolidone. Chất liệu quần lò xo là chất cản quang: Palladium/Rhenium. Quần lò xo đoạn giữa và gần là dây thép không gỉ 304 V. Điểm đánh dấu vị trí đầu gần 90 cm và 100 cm. Độ cứng đầu chóp 0,8 gam. Lõi đồng trục, thuận nhỏ dần. Đầu chóp đồng trục Nitinol. Lò xo cản quang 3 cm. Có lựa chọn: Không cuộn lò xo 1,0 cm hoặc cuộn lò xo toàn bộ đầu chóp, chất liệu Nitinol Elastinite. Phủ ái nước cho độ bền kéo dài. PTFE được phủ kỹ nước	1 Cái/ Hộp	Cái	345	103	Không yêu cầu
50.	Bộ kim chọc tạo đường	Bộ kim chọc bao gồm: - Kim chọc có chất liệu Nitinol kích thước 17Ga (0,040")	1 Bộ/1 Hộp	Bộ	10	3	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	thông cửa chủ trong gan qua đường tĩnh mạch cảnh	Đầu kim chọc có đặc tính giúp quan sát trên nhiều phương thức hình ảnh khác nhau. - Ống chứa cứng - Ống thông dẫn đường - Ống thông chứa kim chọc: Có vị trí đánh dấu trên ống thông mang que chọc. - Ống thông đầu kiểu MPA - Có chứng nhận FDA/CE					
51.	Bóng nong loại cứng các cỡ	Bóng nong loại áp lực cao. - Đường kính có kích thước: 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. - Chiều dài thân dẫn mang bóng loại 75cm và 120cm. - Áp lực nên đến 18atm. - Có chứng nhận FDA/CE	1 Cái/ Hộp	Cái	35	10	Không yêu cầu
52.	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch các cỡ	- Cấu tạo ba vòng tròn độc lập phủ Platinum. - Lõi dây được tạo bởi hợp kim nitinol. - Momen xoắn điều khiển 1:1. - Đường kính làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm. - Chiều dài ống thông: 100cm. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/ Hộp	Cái	10	3	Không yêu cầu
53.	Coil nút tuần hoàn bằng hệ siêu nhỏ cho trẻ em các cỡ	Chất liệu Platinum, có 2 loại 3D và Helix, đường kính sợi coil tăng dần: 0,0115", 0,0125", 0,0135" và 0,0145", chiều dài cuộn coil từ 1-50cm. Cắt bằng dụng cụ cơ học. - Có chứng nhận FDA/CE.	1 Cái/hộp	Cái	70	21	Không yêu cầu
54.	Vòng xoắn kim loại đường kính 0.020" các cỡ	- Cấu tạo: 3 lớp Dạng coil cắt. - Vật liệu: Lớp ngoài: Platinum. Lớp trong: Nitinol.	1 Cái/ Hộp	Cái	35	10	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính sợi coil 0,020". - Đường kính vòng coil có các cỡ từ 3mm đến 32mm. - Chiều dài sợi coil đến 60cm. - Có chứng nhận FDA/CE 					
55.	Vật liệu nút mạch máu não, ngoại biên dạng lỏng	Chất gây tắc mạch dạng lỏng EVOH (ethelene vinyl alcohol) hòa tan trong chất DMSO (dimethylsulfoxide), bột tantalum làm tăng độ cản quang, chỉ định thuyên tắc các tổn thương ngoại biên và mạch máu não bậc gồm dị dạng động tĩnh mạch và u máu. Nồng độ 12 và 18 tương ứng với độ đậm đặc của chất tắc mạch. Nồng độ 12 duy nhất giúp xâm nhập sâu hơn vào tổn thương và đi vào các mạch máu siêu nhỏ ở xa.	1 Lọ /Hộp	Lọ	92	27	Không yêu cầu
56.	Vật liệu nút mạch sinh học có chất tắc mạch vĩnh viễn	Thành phần bao gồm EVOH (Ethylene-vinyl alcohol), DMSO (di-methyl sulfoxide) và Tantalium để có tính cản quang, EVOH với thành phần 48 mol/l Ethylene và 52 mol/l Vinyl alcohol hòa tan trong dung môi DMSO với 2 tỷ lệ khác nhau 6%, 8%, Dung tích 1,5ml	1 Lọ /Hộp	Lọ	184	55	Không yêu cầu
57.	Bóng nong van áp lực trung bình các cỡ	Bóng nong van động mạch phổi, nong động mạch chủ, mạch máu ngoại biên, áp lực cao 15atm: <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu Co-Polymer mềm, ổn định, bền chắc 2. Có marker vàng cản quang, giúp định vị bóng chính xác 3. Các size với chiều dài bóng từ 20, 30mm 4. Đường kính bóng từ 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12,14, 15, 16, 18, 20, 22, 23, mm đến 25mm, 5. Áp lực bơm từ 4 atm đến 15 atm 6. Chiều dài sử dụng 100cm 7. Kích cỡ dụng cụ mở đường 6, 7, 8, 9, 10, 12, 14 Fr. - Có chứng nhận FDA/CE. 	1Cái/Hộp	Cái	70	21	Không yêu cầu
58.	Kim sinh thiết lấy mẫu mô	Bao gồm: 01 kim sinh thiết, 01 kim dẫn đường, khoá an toàn (tích hợp sẵn trong kim). Đường kính kim 14G, 16G, 18G,	1 Cái/ túi	Cái	800	240	Có yêu cầu

TT thâu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thâu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	mềm có kim dẫn đường các cỡ	20G. chiều dài 90mm, 130mm, 160mm, 220mm, Có 2 nắp cho chức năng lấy mẫu 11mm và 22mm, có khóa chốt an toàn, có kênh riêng để hút dịch và bơm thuốc điều trị. Thân kim làm bằng nhựa có thể tháo rời để vệ sinh. Kim có vạch chia (1cm/vạch). - Có chứng nhận FDA/CE.					Số lượng 03 cái Nội dung đánh giá: Đánh giá độ cứng của thân kim; độ sắc nhọn đầu kim, đầu cắt. Lò xo đầu bấm chắc chắn không bị bung. Đầu troca và thân kim phù hợp với làm sinh thiết trên trẻ nhỏ
59.	Dù đóng ống động mạch PDA phủ bạch kim các cỡ	Dù được cấu tạo bằng những sợi Nitinol tráng Platium. Bên ngoài phủ một lớp bạch kim bằng công nghệ Nanô. Các sợi polyester quấn quanh lưới kim loại tạo thành lớp màng nhằm tăng cường khả năng tạo huyết khối giúp bít kín lỗ còn ống động mạch nhanh chóng sau khi cấy ghép vào cơ thể bệnh nhân. Tích hợp với các kiểu, loại lỗ thông ống động mạch. Kích thước : 4/6mm. 6/8mm.....22/24mm, 24/26mm.	1 Cái/ túi	Cái	45	13	Không yêu cầu
60	Bộ thả dù ống động mạch cho dù ống động mạch chất liệu bạch kim các cỡ	Bộ dụng cụ bung dù tương thích với dù đóng còn ống động mạch chất liệu bạch kim. Kích thước, thông số kỹ thuật 6F đến 9F. Kiểu đầu cong can thiệp 180°.	1 Cái/ túi	Cái	45	13	Không yêu cầu
61.	Bóng nong mạch máu và hỗ trợ đặt Stent các cỡ	Bóng nong mạch máu ngoại biên và hỗ trợ đặt stent, có loại bóng trong bóng 1. Đường kính bóng: từ 10mm đến 32mm; chiều dài từ 20mm đến 60mm 2. Loại bóng trong bóng có đường kính bóng trong từ 10mm đến 14mm; chiều dài từ 40mm đến 60mm 3. Áp lực thường: 4 bar; Áp lực nở: 6-10 bar tùy kích cỡ	1 Cái/hộp	Cái	20	6	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		4. Có 2 marker bằng Pt/Ir trên trục trong của bóng. 5. Chiều dài catheter có các loại: 800mm, 1000mm, 1200mm Tương thích với guidewire kích thước 0,035"					
62.	Bóng nong mạch máu áp lực siêu cao các cỡ	Bóng nong mạch máu ngoại biên 1. Loại bóng bao gồm giãn nở và không giãn nở 2. Đường kính từ 1,5mm đến 10 mm. Chiều dài từ 5mm đến 150mm 3. Áp suất thường lên tới 12atm; áp suất nổ đạt 30 atm 4. Tương thích với guidewire các kích thước 0,014", 0,018", 0,035" 5. Chiều dài catheter: 40cm, 70cm, 90cm, 150cm	1 Cái/hộp	Cái	80	24	Không yêu cầu
63.	Catheter chẩn đoán đầu cong có điều chỉnh 10 điện cực cỡ 6Fr	Có thể cong được đến 180 độ. Kích cỡ 6 F. Có 10 điện cực. Chiều dài 110cm. Khoảng cách điện cực 2-6-2; 2-8-2 mm	1Cái/Hộp	Cái	100	30	Không yêu cầu
64.	Cáp nối cho catheter chẩn đoán cố định	- Cáp nối cho catheter chẩn đoán - Đầu nối chân cắm điện cực được bao phủ 2mm. Chân cắm mạ vàng 24K. - Chiều dài 150cm; 210cm - Tương thích với hệ thống ghi Điện sinh lý tại bệnh viện	1Cái/Hộp	Cái	400	120	Không yêu cầu
65.	Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng	- Catheter đốt đầu uốn cong 2 hướng - Đường kính $\geq 7F$; - Theo dõi nhiệt độ thông qua điện trở nhiệt và cặp nhiệt điện; - Bề rộng điện cực $\leq 1mm$, đầu điện cực $\leq 4mm$ hoặc $\leq 8mm$; - Chiều dài 115 cm. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1Cái/Hộp	Cái	30	9	Không yêu cầu
66.	Catheter đốt cảm biến lực,	- Catheter đốt cảm biến lực, có cảm biến từ trường, có 6 lỗ tưới nước muối	1Cái/Hộp	Cái	20	6	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	có cảm biến từ trường, có lỗ tưới nước muối, loại 2 hướng	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính $\geq 8F$ - Có 4 điện cực, đầu điện cực $\leq 4mm$ - Tay cầm lái hướng có khóa, tích hợp cáp nối - Cảm biến lực sử dụng công nghệ giao thoa ánh sáng - Chiều dài $\geq 110cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE 					
67.	Bộ máy khử rung tim 1 buồng sử dụng điện cực cấy dưới da	<p>Bộ máy tạo nhịp khử rung ICD 1 buồng (gồm 1 thân máy, 1 dây điện cực sóc, 1 introducer)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẻ tích máy nhỏ chỉ 26,5 cc, máy mỏng có độ dày 9,9 mm - Chuẩn kết nối DF4 	1Cái/Hộp	Cái	5	1	Không yêu cầu
68.	Holter điện tim	<p>Bộ Holter bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ đo : 01 cái - Dụng cụ chuyển tải dữ liệu : 01 cái - Thẻ nhớ 8GB : 01 cái - Công cụ mở thiết bị. : 01 cái - Pin : 30 chiếc - Điện cực : 270 bộ - Thiết bị có khả năng đo nhịp tim 30 lượt bệnh nhân với 7 hoặc 9 ngày liên tục/1 lượt theo dõi - Dữ liệu ghi điện tim dài ngày, giúp chẩn đoán hiệu quả các rối loạn nhịp tim, theo dõi hiệu quả điều trị cho bệnh nhân - Tính năng: tải dữ liệu điện tim từ xa, lưu trữ dữ liệu tập trung lâu dài, phân tích và đọc kết quả từ xa,. - Phân tích dữ liệu dạng sóng điện tâm đồ (ECG) của bệnh nhân, có thể phát hiện loạn nhịp tim và một số dấu hiệu tim mạch khác. - Hệ thống hoạt động trên máy chủ Cloud hoặc máy chủ của bệnh viện Dụng cụ đo nhỏ gọn, dán trên ngực, phù hợp với bệnh nhân ở 	Bộ	Bộ	70	21	Không yêu cầu

TT thầu	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Khối lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu hàng mẫu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		mọi lứa tuổi. - Tải dữ liệu từ máy ghi lên hệ thống qua thiết bị máy tính cá nhân qua Internet . - Lưu trữ dữ liệu Holter điện tim từ máy ghi bằng đường truyền Internet thông thường - Phân tích và đọc kết quả Holter điện tim từ xa qua máy chủ bằng phần mềm chuyên dụng. - Cho phép các bác sĩ có được hệ thống tạo báo cáo phân tích tự động. - Lịch sử theo dõi bệnh nhân: Bao gồm các triệu chứng và hoạt động mà bệnh nhân đã ghi lại trên ứng dụng và dữ liệu ECG tương đương					